

Số: *22* /2016/QĐ-UBND

Hà Tĩnh, ngày *06* tháng *6* năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế thi tuyển công chức vào làm việc tại sở, ban, ngành;
UBND huyện, thành phố, thị xã năm 2016**

ỦYBAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13/11/2008; Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của HĐND và UBND ngày 03/12/2004;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 24/2010/NĐ-CP ngày 15/3/2010 quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức; số 36/2013/NĐ-CP ngày 22/4/2013 về vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức; số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 về chính sách tinh giản biên chế;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Nội vụ về hướng dẫn tuyển dụng công chức: Số 13/2010/TT-BNV ngày 30/12/2010, số 05/2012/TT-BNV ngày 24/10/2012, số 03/2015/TT-BNV ngày 10/3/2015;

Căn cứ Quyết định số 36/2015/QĐ-UBND tỉnh ngày 10/8/2015 của UBND tỉnh về tuyển dụng và nâng ngạch công chức;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Văn bản số 557/SNV-CCVC ngày 03/6/2016 (kèm theo Báo cáo thẩm định số 211/BC-STP ngày 01/4/2016 của Sở Tư pháp),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế thi tuyển công chức vào làm việc tại sở, ban, ngành; UBND huyện, thành phố, thị xã năm 2016.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày, kể từ ngày ban hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Nội vụ; Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch UBND huyện, thành phố, thị xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Bộ Nội vụ;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Đ/c Bí thư, Đ/c Phó BT Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ban Tổ chức Tỉnh ủy;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Các PVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, NC₁;
- Gửi:
- + Bản giấy: TP không nhận bản điện tử;
- + Điện tử: TP còn lại.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN



Đặng Quốc Khánh

QUY CHẾ

**Thi tuyển công chức vào làm việc tại các sở, ban, ngành;
UBND huyện, thành phố, thị xã năm 2016**
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 22 /2016/QĐ-UBND ngày 16/6/2016
của Ủy ban nhân dân tỉnh)*

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

Quy chế này quy định cụ thể về nguyên tắc, điều kiện đăng ký dự thi, nội dung, hình thức thi; hoạt động của Hội đồng thi, bộ phận giúp việc. Được áp dụng đối với các sở, ban, ngành, UBND huyện, thành phố, thị xã; các cơ quan, cá nhân được giao nhiệm vụ phục vụ thi tuyển công chức; thành viên Hội đồng thi tuyển công chức năm 2016 và người dự thi vào công chức của Tỉnh năm 2016.

Điều 2. Nguyên tắc

1. Việc tuyển dụng công chức phải căn cứ vào yêu cầu nhiệm vụ, vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức và chỉ tiêu, cơ cấu được UBND tỉnh phê duyệt. Tuyển dụng công chức bằng hình thức thi tuyển và do Hội đồng thi tuyển công chức thực hiện.

2. Đảm bảo công khai, minh bạch, khách quan, đúng quy định của pháp luật.

3. Người dự thi chỉ được đăng ký thi vào một chỉ tiêu tại một cơ quan có nhu cầu tuyển dụng công chức.

4. Đảm bảo tính cạnh tranh; cơ quan có chỉ tiêu, cơ cấu tuyển dụng đã được UBND tỉnh phê duyệt trực tiếp nhận hồ sơ của người dự tuyển theo đúng yêu cầu của vị trí việc làm của chỉ tiêu được phê duyệt, lập danh sách và hồ sơ nộp đúng thời gian quy định. Số lượng hồ sơ đăng ký dự thi cho mỗi chỉ tiêu tuyển dụng phải có số dư, không hạn chế tối đa số lượng người dự thi cho mỗi chỉ tiêu thi tuyển.

5. Đối với chỉ tiêu thi tuyển nếu số người đăng ký dự thi không đảm bảo số dư theo quy định, cơ quan có chỉ tiêu thi tuyển báo cáo UBND tỉnh (qua Sở Nội vụ) để xem xét, quyết định.

Chương II QUY ĐỊNH CỤ THỂ VỀ THI TUYỂN

Điều 3. Ngạch công chức cần tuyển

Thi tuyển công chức năm 2016 để tuyển dụng công chức ngạch chuyên viên và tương đương vào làm việc tại các sở, ban, ngành, UBND huyện, thành phố, thị xã có chỉ tiêu, cơ cấu được UBND tỉnh phê duyệt thi tuyển.

Điều 4. Điều kiện, tiêu chuẩn người dự thi

1. Người có đủ các điều kiện, tiêu chuẩn sau đây không phân biệt dân tộc,

nam nữ, thành phần xã hội, tín ngưỡng, tôn giáo được đăng ký dự thi công chức:

- a) Có một quốc tịch là quốc tịch Việt Nam;
- b) Đủ 18 tuổi trở lên;
- c) Có đơn dự tuyển (theo mẫu); có lý lịch rõ ràng;
- d) Có văn bằng, chứng chỉ phù hợp yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển;
- đ) Có trình độ chuyên môn Đại học trở lên;
- e) Có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt;
- g) Đủ sức khỏe để thực hiện nhiệm vụ;

Đối với người dự thi vào vị trí việc làm Quản lý tàu cá và cơ sở dịch vụ nghề cá; Quản lý, khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản, thanh tra pháp chế và đội tàu kiểm ngư (kiểm ngư viên, thuyền viên kiểm ngư) thuộc biên chế Chi cục Thủy sản và vị trí việc làm Kiểm lâm thuộc biên chế hạt kiểm lâm huyện, thị xã, hạt kiểm lâm Kê Gỗ; vị trí việc làm Quản lý thị trường thuộc biên chế Chi cục Quản lý thị trường ngoài các điều kiện tiêu chuẩn nêu trên thì người dự thi phải là nam giới.

Đối với người đang là viên chức, cán bộ, công chức cấp xã, người làm việc trong doanh nghiệp Nhà nước nếu đăng ký dự thi phải được cơ quan, đơn vị có thẩm quyền quản lý (theo quy định về phân cấp) có văn bản đồng ý cho tham dự thi tuyển công chức.

2. Những người sau đây không được đăng ký dự thi công chức:

- a) Không cư trú tại Việt Nam;
- b) Mất hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;
- c) Đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự; đang chấp hành hoặc đã chấp hành xong bản án, quyết định về hình sự của Tòa án mà chưa được xóa án tích; đang bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở chữa bệnh, cơ sở giáo dục.

Điều 5. Hồ sơ dự thi

- a) Đơn đăng ký dự thi (theo mẫu);
- b) Bản sơ yếu lý lịch tự thuật có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền trong thời hạn 30 ngày, tính đến ngày nộp hồ sơ dự tuyển;
- c) Bản sao giấy khai sinh;
- d) Bản sao các văn bằng, chứng chỉ và kết quả học tập theo yêu cầu của vị trí dự tuyển;
- đ) Giấy chứng nhận sức khỏe do cơ quan y tế có thẩm quyền cấp trong thời hạn 30 ngày, tính đến ngày nộp hồ sơ dự tuyển;
- e) Giấy chứng nhận thuộc đối tượng ưu tiên trong tuyển dụng công chức (nếu có) được cơ quan có thẩm quyền chứng thực.

Các thành phần hồ sơ trên được bỏ vào túi đựng hồ sơ, kèm theo hai phong bì có dán tem, ghi địa chỉ người dự thi ở phần nơi nhận.

Điều 6. Phí dự thi tuyển

Phí dự thi tuyển thực hiện theo quy định tại Thông tư liên tịch số 163/2010/TT-BNV-BTC ngày 20/10/2010 của Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính.

Phí dự thi tuyển do cơ quan có nhu cầu thi tuyển thu của người dự thi và nộp cho Sở Nội vụ, Hội đồng thi tuyển.

Điều 7. Môn thi, hình thức, nội dung thi và thời gian thi

1. Môn kiến thức chung: Thi viết 01 bài về hệ thống chính trị, tổ chức bộ máy của Đảng, Nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội; quản lý hành chính nhà nước; chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước về ngành, lĩnh vực tuyển dụng; thời gian thi: 180 phút.

2. Môn nghiệp vụ chuyên ngành: Thi viết 01 bài (thời gian 180 phút) và thi trắc nghiệm 01 bài (thời gian 45 phút) về nghiệp vụ chuyên ngành theo yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển dụng.

3. Môn ngoại ngữ tiếng Anh: Thi viết 01 bài, thời gian 90 phút.

- Môn ngoại ngữ với trình độ tương đương bậc 2 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

4. Môn tin học văn phòng: Thi thực hành trên máy tính; thời gian 45 phút.

Môn tin học với trình độ đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin.

Điều 8. Điều kiện miễn thi một số môn

Người đăng ký dự thi công chức được miễn thi một số môn trong kỳ thi tuyển công chức như sau:

1. Miễn thi môn ngoại ngữ trong trường hợp môn nghiệp vụ chuyên ngành không phải là ngoại ngữ nếu có một trong các điều kiện sau:

a) Có bằng tốt nghiệp đại học, sau đại học về ngoại ngữ;

b) Có bằng tốt nghiệp đại học, sau đại học ở nước ngoài hoặc tốt nghiệp đại học, sau đại học tại cơ sở đào tạo bằng tiếng nước ngoài ở Việt Nam.

2. Miễn thi môn tin học văn phòng trong trường hợp có bằng tốt nghiệp từ trung cấp chuyên ngành công nghệ thông tin trở lên.

Điều 9. Ưu tiên trong thi tuyển

1. Anh hùng Lực lượng vũ trang, Anh hùng Lao động, thương binh, người hưởng chính sách như thương binh: Được cộng 30 điểm vào tổng số điểm thi tuyển.

2. Người dân tộc thiểu số, sĩ quan quân đội, sĩ quan công an, quân nhân chuyên nghiệp, người làm công tác cơ yếu chuyên ngành, con liệt sĩ, con thương binh, con bệnh binh, con của người hưởng chính sách như thương binh, con của người hoạt động cách mạng trước tổng khởi nghĩa (từ ngày 19 tháng 8 năm 1945 trở về trước), con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, con Anh hùng Lực lượng vũ trang, con Anh hùng Lao động: Được cộng 20 điểm vào tổng số điểm thi tuyển.

3. Người hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ phục vụ có thời hạn trong lực lượng công an nhân dân, đội viên thanh niên xung phong, đội viên trí thức trẻ

tình nguyện tham gia phát triển nông thôn, miền núi từ đủ 24 tháng trở lên đã hoàn thành nhiệm vụ: Được cộng 10 điểm vào tổng số điểm thi tuyển.

Trường hợp người dự thi tuyển công chức thuộc nhiều diện ưu tiên quy định tại Điều này thì chỉ được cộng điểm ưu tiên cao nhất vào kết quả thi tuyển theo quy định tại Khoản 3 Điều 10 Nghị định số 24/2010/NĐ-CP.

Điều 10. Cách tính điểm thi

1. Bài thi được chấm theo thang điểm 100.
2. Điểm các môn thi được tính như sau:
 - a) Môn kiến thức chung: Tính hệ số 01 (một);
 - b) Môn nghiệp vụ chuyên ngành: Bài thi viết tính hệ số 02 (hai); bài thi trắc nghiệm tính hệ số 01 (một);
 - c) Môn ngoại ngữ, môn tin học văn phòng: Tính hệ số 01 (một) và không tính vào tổng số điểm thi.
3. Kết quả thi tuyển là tổng số điểm của các bài thi môn kiến thức chung và môn nghiệp vụ chuyên ngành cộng với điểm ưu tiên (nếu có).

Điều 11. Xác định người trúng tuyển trong kỳ thi tuyển công chức

1. Người trúng tuyển trong kỳ thi tuyển công chức phải có đủ các điều kiện sau đây:
 - a) Có đủ các bài thi của các môn thi;
 - b) Có điểm của mỗi bài thi đạt từ 50 điểm trở lên;
 - c) Có kết quả thi tuyển cao hơn lấy theo thứ tự từ cao xuống thấp trong phạm vi chỉ tiêu tuyển dụng của từng vị trí việc làm..
2. Trường hợp có từ 02 người trở lên có kết quả thi tuyển bằng nhau ở vị trí cần tuyển dụng, người có điểm bài thi viết môn nghiệp vụ chuyên ngành cao hơn là người trúng tuyển; nếu điểm bài thi viết môn nghiệp vụ chuyên ngành bằng nhau thì người có điểm bài thi trắc nghiệm môn nghiệp vụ chuyên ngành cao hơn là người trúng tuyển; nếu vẫn không xác định được người trúng tuyển thì Chủ tịch UBND tỉnh quyết định người trúng tuyển.
3. Người không trúng tuyển trong kỳ thi tuyển công chức không được bảo lưu kết quả thi tuyển cho các kỳ thi tuyển lần sau.

Chương III HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG THI TUYỂN, BỘ PHẬN GIÚP VIỆC

Điều 12. Hội đồng thi tuyển công chức

1. Hội đồng thi tuyển công chức năm 2016 (sau đây viết tắt là Hội đồng thi) do UBND tỉnh thành lập. Hội đồng thi gồm 07 thành viên, làm việc theo nguyên tắc tập thể, biểu quyết theo đa số, có nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:
 - a) Thành lập bộ phận giúp việc gồm: Ban Đề thi, Ban coi thi, Ban phách, Ban chấm thi;
 - b) Tổ chức thi tuyển và chỉ đạo tổ chức chấm thi theo đúng quy chế; báo cáo UBND tỉnh kết quả thi tuyển;
 - c) Giải quyết khiếu nại, tố cáo của người dự thi.

2. Hội đồng thi được sử dụng tài khoản của Sở Nội vụ, Chủ tịch Hội đồng, Phó Chủ tịch Hội đồng là Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh sử dụng con dấu của UBND tỉnh, Phó Chủ tịch Hội đồng khác sử dụng con dấu của Sở Nội vụ trong các hoạt động của Hội đồng thi; tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ. Các thành viên Hội đồng thi chịu trách nhiệm về nhiệm vụ, quyền hạn của mình trước pháp luật và Chủ tịch UBND tỉnh theo quy định.

Điều 13. Nhiệm vụ, quyền hạn của các thành viên Hội đồng thi

1. Chủ tịch Hội đồng thi:

a) Chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các nhiệm vụ của Hội đồng thi theo quy định, chỉ đạo tổ chức kỳ thi bảo đảm đúng nội quy, quy chế của kỳ thi;

b) Phân công trách nhiệm cho từng thành viên của Hội đồng thi;

c) Quyết định thành lập Ban đề thi, Ban coi thi, Ban phách, Ban chấm thi, Ban phúc khảo (nếu có);

d) Tổ chức việc xây dựng đề thi, lựa chọn đề thi, bảo quản, lưu giữ đề thi theo đúng quy định; bảo đảm bí mật đề thi theo chế độ tài liệu tuyệt mật;

đ) Tổ chức việc coi thi, quản lý bài thi, đánh số phách, rọc phách, quản lý phách và chấm thi theo quy định;

e) Báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định công nhận kết quả thi;

g) Giải quyết khiếu nại, tố cáo trong quá trình tổ chức kỳ thi.

2. Phó Chủ tịch Hội đồng thi: Giúp Chủ tịch Hội đồng thi điều hành hoạt động của Hội đồng thi và thực hiện một số nhiệm vụ cụ thể của Hội đồng thi theo sự phân công của Chủ tịch Hội đồng thi.

3. Các Ủy viên của Hội đồng thi do Chủ tịch Hội đồng thi phân công nhiệm vụ cụ thể để bảo đảm các hoạt động của Hội đồng thi thực hiện đúng quy định.

4. Ủy viên kiêm Thư ký Hội đồng thi giúp Chủ tịch Hội đồng thi:

a) Chuẩn bị các văn bản, tài liệu cần thiết của Hội đồng thi và ghi biên bản các cuộc họp của Hội đồng thi;

b) Tổ chức và chuẩn bị các tài liệu để hướng dẫn ôn tập cho thí sinh;

c) Tổ chức việc thu phí dự thi, quản lý chi tiêu và thanh quyết toán phí dự thi theo đúng quy định;

d) Nhận và kiểm tra niêm phong bài thi từ Trưởng ban coi thi; bàn giao bài thi cho Trưởng ban phách, nhận bài thi đã rọc phách và đánh số phách từ Trưởng ban phách; bàn giao bài thi đã rọc phách cho Trưởng ban chấm thi và thu bài thi đã có kết quả chấm thi từ Trưởng ban chấm thi theo đúng quy định;

đ) Tổng hợp, báo cáo kết quả thi với Hội đồng thi;

e) Nhận đơn phúc khảo và ghi rõ ngày nhận đơn phúc khảo theo dấu văn thư của cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng công chức chuyển đến, kịp thời báo cáo Chủ tịch Hội đồng thi để báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định.

Điều 14. Ban đề thi

1. Ban đề thi do Chủ tịch Hội đồng thi thành lập gồm các thành viên: Trưởng ban và các ủy viên.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của các thành viên Ban đề thi:

a) Trưởng ban đề thi:

- Giúp Hội đồng thi tổ chức thực hiện việc xây dựng bộ đề thi hoặc lựa chọn ngân hàng câu hỏi theo đúng quy định;

- Giữ bí mật của bộ đề thi hoặc bộ câu hỏi theo quy định.

b) Ủy viên Ban đề thi:

- Tham gia xây dựng bộ đề thi hoặc lựa chọn ngân hàng câu hỏi theo phân công của Trưởng ban đề thi;

- Giữ bí mật của bộ đề thi hoặc bộ câu hỏi theo quy định.

3. Tiêu chuẩn thành viên Ban đề thi:

a) Người được cử làm thành viên Ban đề thi phải là công chức, viên chức, nhà quản lý, nhà nghiên cứu khoa học, giảng viên có trình độ chuyên môn trên đại học hoặc người có nhiều kinh nghiệm đối với môn thi;

b) Không cử làm thành viên Ban đề thi đối với những người là cha, mẹ, anh, chị, em ruột của bên vợ hoặc chồng, vợ hoặc chồng của người dự thi và những người đang trong thời gian bị xem xét xử lý kỷ luật hoặc đang thi hành quyết định kỷ luật;

c) Người được cử làm thành viên Ban đề thi không được tham gia Ban coi thi;

d) Khi thực hiện nhiệm vụ, Ban đề thi được quản lý riêng cho đến khi kết thúc nội dung thi.

Điều 15. Ban coi thi

1. Ban coi thi do Chủ tịch Hội đồng thi thành lập, gồm các thành viên: Trưởng ban, Phó trưởng ban và các giám thị.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của các thành viên Ban coi thi:

a) Trưởng ban coi thi:

- Giúp Hội đồng thi tổ chức kỳ thi theo đúng quy chế và nội quy của kỳ thi;

- Bố trí phòng thi; phân công nhiệm vụ cho Phó trưởng ban coi thi; phân công giám thị phòng thi và giám thị hành lang cho từng môn thi;

- Nhận và bảo quản đề thi theo đúng quy định;

- Tạm đình chỉ việc coi thi của giám thị, kịp thời báo cáo Chủ tịch Hội đồng thi quyết định; đình chỉ thi đối với thí sinh nếu thấy có căn cứ vi phạm nội quy, quy chế của kỳ thi;

- Tổ chức thu bài thi của thí sinh và niêm phong bài thi để bàn giao cho Ủy viên kiêm Thư ký Hội đồng thi.

b) Phó Trưởng ban coi thi:

Giúp Trưởng ban coi thi điều hành một số hoạt động của Ban coi thi theo sự phân công của Trưởng ban coi thi.

c) Giám thị phòng thi:

Mỗi phòng thi được phân công 02 giám thị, trong đó có một giám thị được Trưởng ban coi thi phân công chịu trách nhiệm chính trong việc tổ chức thi tại phòng thi (gọi là giám thị 1). Giám thị 1 phân công nhiệm vụ cụ thể cho các giám thị tại phòng thi. Giám thị phòng thi thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Kiểm tra phòng thi, đánh số báo danh của thí sinh vào chỗ ngồi tại phòng thi;
- Gọi thí sinh vào phòng thi; kiểm tra giấy chứng minh nhân dân (hoặc một trong các loại giấy tờ tùy thân hợp pháp khác) của thí sinh; chỉ cho phép thí sinh mang vào phòng thi những vật dụng theo quy định; hướng dẫn thí sinh ngồi theo đúng vị trí;
- Ký vào giấy làm bài thi và giấy nháp theo quy định; phát giấy thi, giấy nháp cho thí sinh; hướng dẫn thí sinh các quy định về làm bài thi, nội quy thi;
- Nhận đề thi; kiểm tra niêm phong đề thi có sự chứng kiến của thí sinh; mở đề thi; đọc đề thi hoặc phát đề thi cho thí sinh theo quy định;
- Thực hiện nhiệm vụ coi thi theo nội quy, quy chế của kỳ thi;
- Xử lý các trường hợp vi phạm nội quy thi; lập biên bản và báo cáo Trưởng ban coi thi xem xét, quyết định nếu vi phạm đến mức phải đình chỉ thi;
- Thu bài thi theo đúng thời gian quy định; kiểm tra bài thi do thí sinh nộp, bảo đảm đúng họ tên, số báo danh, số tờ; ký biên bản và bàn giao bài thi, đề thi đã nhân bản chưa phát hết cho thí sinh và các biên bản vi phạm (nếu có) cho Trưởng ban coi thi.

d) Giám thị hành lang:

- Giữ gìn trật tự và bảo đảm an toàn bên ngoài phòng thi;
- Phát hiện, nhắc nhở, phê bình, cùng giám thị phòng thi lập biên bản thí sinh vi phạm nội quy, quy chế của kỳ thi ở khu vực hành lang. Trường hợp vi phạm nghiêm trọng như gây mất trật tự, an toàn ở khu vực hành lang, báo cáo ngay cho Trưởng ban coi thi xem xét, giải quyết;
- Không được vào phòng thi.

3. Tiêu chuẩn giám thị:

- a) Người được cử làm giám thị phải là công chức, viên chức ở ngạch chuyên viên hoặc tương đương trở lên;
- b) Không cử làm giám thị đối với những người là cha, mẹ, anh, chị, em ruột của bên vợ hoặc chồng, vợ hoặc chồng của người dự thi và những người đang trong thời gian bị xem xét xử lý kỷ luật hoặc đang thi hành quyết định kỷ luật;
- c) Người được cử làm giám thị không được tham gia Ban đề thi và Ban chấm thi.

Điều 16. Ban phách

1. Ban phách do Chủ tịch Hội đồng thi thành lập gồm các thành viên: Trưởng ban và các ủy viên.
2. Nhiệm vụ, quyền hạn của các thành viên Ban phách:
 - a) Trưởng ban phách:
 - Giúp Hội đồng thi và phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên Ban phách để tổ chức thực hiện việc đánh số phách và rọc phách các bài thi theo đúng quy định của kỳ thi;
 - Niêm phong phách và bài thi đã được rọc phách, bàn giao cho Ủy viên kiêm Thư ký Hội đồng thi theo đúng quy định.

b) Ủy viên Ban phách:

- Đánh số phách và rọc phách các bài thi theo phân công của Trưởng ban phách;

- Bảo đảm bí mật số phách.

3. Tiêu chuẩn thành viên Ban phách:

a) Người được cử làm thành viên Ban phách phải là công chức, viên chức đang ở ngạch chuyên viên hoặc tương đương trở lên; có kinh nghiệm trong công tác thi tuyển.

b) Không cử làm thành viên Ban phách đối với những người là cha, mẹ, anh, chị, em ruột của bên vợ hoặc chồng, vợ hoặc chồng của người dự thi và những người đang trong thời gian bị xem xét xử lý kỷ luật hoặc đang thi hành quyết định kỷ luật.

c) Người được cử làm thành viên Ban phách không được tham gia Ban chấm thi.

Điều 17. Ban chấm thi

1. Ban chấm thi do Chủ tịch Hội đồng thi thành lập gồm các thành viên: Trưởng ban và các ủy viên.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của các thành viên Ban chấm thi:

a) Trưởng ban chấm thi:

- Giúp Hội đồng thi tổ chức thực hiện việc chấm thi theo đúng quy định;
- Phân công các ủy viên Ban chấm thi bảo đảm nguyên tắc mỗi bài thi viết phải có ít nhất 02 thành viên chấm thi;

- Tổ chức trao đổi để thống nhất báo cáo Chủ tịch Hội đồng thi xem xét, phê duyệt đáp án, thang điểm chi tiết của đề thi trước khi chấm thi;

- Nhận và phân chia bài thi của thí sinh cho các thành viên Ban chấm thi, bàn giao biên bản chấm thi và kết quả chấm thi cho Ủy viên kiêm Thư ký Hội đồng thi;

- Lập biên bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng thi xem xét và giải quyết khi phát hiện bài thi của thí sinh vi phạm nội quy, quy chế của kỳ thi;

- Tổng hợp kết quả chấm thi, bàn giao cho Ủy viên kiêm Thư ký Hội đồng thi. Giữ gìn bí mật kết quả điểm thi;

- Quyết định chấm lại bài thi trong trường hợp các thành viên chấm thi chấm chênh lệch nhau trên 10% so với điểm tối đa đối với cùng một bài thi.

b) Ủy viên Ban chấm thi:

- Chấm điểm các bài thi theo đúng đáp án và thang điểm;

- Báo cáo dấu hiệu vi phạm trong các bài thi (nếu có) với Trưởng ban chấm thi và đề nghị hình thức xử lý.

3. Tiêu chuẩn thành viên Ban chấm thi:

a) Người được cử làm thành viên Ban chấm thi phải là công chức, viên chức, nhà quản lý, nhà nghiên cứu khoa học, giảng viên có trình độ chuyên môn trên đại học hoặc người có nhiều kinh nghiệm đối với môn thi;

b) Không cử làm thành viên Ban chấm thi đối với những người là cha, mẹ, anh, chị, em ruột của bên vợ hoặc chồng, vợ hoặc chồng của người dự thi và những người đang trong thời gian bị xem xét xử lý kỷ luật hoặc đang thi hành quyết định kỷ luật;

c) Người được cử làm thành viên Ban chấm thi không được tham gia vào Ban coi thi và Ban phách.

Các nội dung khác liên quan đến công tác tuyển dụng công chức; nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng thi, các ban giúp việc của Hội đồng thi nếu chưa quy định cụ thể trong Quy chế này thì thực hiện theo Luật Cán bộ, công chức, Nghị định số 24/2010/NĐ-CP của Chính phủ, Thông tư số 13/2010/TT-BNV của Bộ Nội vụ và Quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức ban hành kèm theo Thông tư số 13/2010/TT-BNV của Bộ Nội vụ.

Điều 18. Tổ chức thực hiện

Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành cấp tỉnh, Chủ tịch UBND huyện, thành phố, thị xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quy chế này. Trong quá trình thực hiện, trường hợp có khó khăn, vướng mắc, đề nghị phản ánh về UBND tỉnh (qua Sở Nội vụ) để xem xét, giải quyết theo quy định.

Cơ quan có chỉ tiêu thi tuyển công chức có trách nhiệm niêm yết công khai Quy chế này tại trụ sở làm việc và trên cổng thông tin điện tử của đơn vị. Văn phòng UBND tỉnh đăng tải công khai trên cổng thông tin điện tử của Tỉnh.

Cơ quan, tổ chức và cá nhân vi phạm Quy chế này thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Đặng Quốc Khánh